

Số: **135**/GCN-BXD

Hà Nội, ngày **12** tháng **5** năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng công trình Hồng Quân và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 25/3/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng công trình Hồng Quân

Mã số thuế: **2901038098**

Địa chỉ: Số 2, ngõ 9, đường Nguyễn Đình Cẩn, P. Trung Đô, TP. Vinh, Nghệ An

2. Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

Địa chỉ: Số 39, đường Đạu Yên, P. Trung Đô, TP. Vinh, Nghệ An

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS - XD 762.**

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế cho Giấy chứng nhận số 602/GCN-BXD cấp ngày 31/08/2018./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Xây dựng và xử lý nền móng công trình Hồng Quân;
- SXD tỉnh Nghệ An (phối hợp);
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



★ Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 762

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 135/GCN-BXD, ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	XI MĂNG	
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003 ASTM C204-11 AASHTO T133 T153; T192-11
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ; ASTM C109-11 ; AASHTO T106-11
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012
4.	Giới hạn bền nén, phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
II	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2006 ASTM C136:06 AASHTO T27-11
2.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ASTM C127, C128
3.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127:12
4.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29:09
5.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566-97
6.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142-10
7.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40-11
8.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938:95
9.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131, C535 AASHTO T96:02
11.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 AASHTO T335-09
12.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
13.	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
14.	Hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 μ m	TCVN 9205:2012
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 AASHTO-T119
2.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
4.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
5.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
6.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
7.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
8.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022

9.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
10.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
11.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
12.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
13.	Xác định cường độ lắng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
14.	Đánh giá cường độ bê tông trên cấu kiện hoặc kết cấu công trình	TCVN 12252:2020
IV	KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN	
1.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009) TCVN 1651:2018
2.	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005) TCVN 1651:2018 TCVN 6287:97 (ISO 7438:2005)
3.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
4.	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
5.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991
6.	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cấy, đai ốc	TCVN 1916:1995 ASTM F606; ASTM A370
7.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
8.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
9.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000
10.	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:1993 TCVN 5408:2007 ISO 01461:1999
11.	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:1997
12.	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009 ISO 15835-2:2009
V	ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
1.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ASTM D854:00 AASHTO - T100
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216:10 AASHTO - T265
3.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89, T90 ASTM - D4318
4.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 TCVN 7572-2:2006 ASTM C136-06; AASHTO T27, T88
5.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012; ASTM D3090:98
6.	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn, cải tiến trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 22TCN 333:2006; ASTM D1557:02 AASHTO T99,180
7.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ASTM D2937:71
8.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 AASHTO - T219, T297

9.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
10.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
11.	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
VI	HIỆN TRƯỜNG	
1.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971 TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012 AASHTO T204:90
2.	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất, đá trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012 ASTM D1556:00
3.	Xác định độ chặt, nền, mặt đường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
4.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
5.	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4695:96 AASHTO T256:77
6.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965:96
7.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011 ASTM E950:98
8.	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
9.	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393:2012
10.	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
11.	Đo chuyển vị ngang công trình	TCVN 9364:2012
12.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
13.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
14.	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
15.	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:2000 TCVN 11321:2016
16.	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
17.	Thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường	22 TCN 66:1984
18.	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulông và bê tông	TCVN 9490:2012 ASTM C900-06
19.	Kiểm tra lực kéo nhỏ của bu lông, thép	ASTM E488-95
20.	Thí nghiệm nhỏ cọc cốt thép; thép neo; bulong neo	ASTM D3689-90
21.	Ống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:2012 ASTM C76
22.	Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012, ASTM C76
23.	Xác định khả năng chịu tải của Nắp hố ga, nắp chắn rác, nắp bể cấp	BS EN 124:2015 TCVN 10333-3:2014
24.	Hố ga thu nước mưa, hố ngăn mùi	TCVN 10333-1:2014
25.	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông bằng khả năng chống thấm nhập	ASTM C403
26.	Khoan lấy lõi	TCVN 9395:2012
VII	BENTONITE	

1.	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo của sét, độ pH, độ ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017 TCVN 9395:2012
VIII	NƯỚC XÂY DỰNG	
1.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011 AASHTO T26-79
2.	Xác định hàm lượng clorua (CL)	TCVN 6194:1996 ASTM D512:04
3.	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄)	TCVN 6200:1996 ASTM D516:102
4.	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
5.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
IX	SON	
1.	Xác định độ rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2012
2.	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2012
3.	Xác định độ dính bám của màng sơn	TCVN 2097:1993
X	GẠCH, NGÓI	
1.	Gạch xây, gạch xi măng lát nền: xác định: cường độ nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt	TCVN 6355:2009 TCVN 6065:1995 ASTM C67-12 AASHTO T32-10
2.	Ngói: xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
3.	Gạch bê tông tự chèn: kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
4.	Gạch bê tông: kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
5.	Gạch Terazo: kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:2013
XI	GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO	
1.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6415:2016 TCVN 4732:2016
2.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016 TCVN 4732:2016
3.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 TCVN 4732:2016
XII	KÍNH XÂY DỰNG	
1.	Kính xây dựng xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
2.	Kính phẳng tôi nhiệt xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ cong vênh; Độ bền va đập bi rơi; Độ bền va đập con lăn	TCVN 7455:2013
3.	Kính dán nhiều lớp và kính an toàn nhiều lớp xác định: Sai lệch kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm, khuyết tật ngoại quan; Thử độ bền; Thử độ va đập bi rơi, con lăn	TCVN 7364:2004 TCVN 7368:2013
XIII	BÊ TÔNG NHỰA	
1.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
3.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011

7.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
XIV	VỮA XÂY DỰNG	
1.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2.	Xác định độ lưu động của vữa tươi (PP bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2022
3.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
6.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
7.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
8.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
9.	Xác định hàm lượng Ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
10.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
XV	THẠCH CAO, BỘT BÀ	
1.	Thạch cao xác định: độ cứng; cường độ nén; độ biến dạng; độ hút nước	TCVN 8256:2009
2.	Bột bả xác định: độ mịn; thời gian đông kết; độ giữ nước; độ cứng bề mặt; cường độ dính bám	TCVN 7239:2014

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

